



THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 4/2018

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 4/2018 ước đạt 3,2 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2018 đạt 12,3 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 6,5 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2017. Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 2,4 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2017; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 2,7 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2017.

Các mặt hàng tăng trưởng xuất khẩu tốt trong 4 tháng đầu năm 2018 là rau quả (với kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,32 tỷ USD, tăng 29,5% so với cùng kỳ 2017), gạo (xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 2,16 triệu tấn và 1,1 tỷ USD, tăng 21,7% về khối lượng và tăng 37,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017), điều (xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 103 nghìn tấn với kim ngạch đạt 1,04 tỷ USD, tăng 23,1% về khối lượng và tăng 31,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017), thủy sản (với kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 2,4 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2017). Các thị trường tăng trưởng xuất khẩu mạnh trong 4 tháng đầu năm 2018 là Indonesia (đối với gạo, cà phê), Trung Quốc (đối với rau quả, tiêu, thủy sản), Malaysia, Iraq, Bờ Biển Ngà, Gana (đối với gạo), Hoa Kỳ, Nhật Bản (đối với gỗ và sản phẩm gỗ).

Trong tháng 4/2018, giá thịt lợn trong nước tăng mạnh đạt 40.000 đ/kg lợn hơi, tăng 20% so với tháng trước. Giá cà phê, cao su, tiêu, chè xuất khẩu chững lại hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC TRONG THÁNG 4/2018

1. Lúa gạo

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 4/2018 ước đạt 670 nghìn tấn với giá trị đạt 341 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 2,16 triệu tấn và 1,1 tỷ USD, tăng 21,7% về khối lượng và tăng 37,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Trung Quốc tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2018 đạt 411.600 tấn (chiếm 29,1% thị phần xuất khẩu), dù giảm 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù xuất khẩu gạo sang Trung Quốc giảm nhưng ở hầu hết các thị trường khác đều tăng. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Indonesia với 234,1 nghìn tấn trong 3 tháng đầu năm 2018 (so với 450 tấn cùng kỳ năm 2017), Malaysia với 156 nghìn tấn (tăng gấp 3,1 lần), Iraq với 90 nghìn tấn (tăng 11,6 lần), Bờ Biển Ngà với 57,4

nghìn tấn (tăng 1,23 lần), Ghana với 47,33 nghìn tấn (tăng 1,30 lần), so với cùng kỳ năm 2017. Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ, nhu cầu nhập khẩu ở các nước Tây Phi, Nam Phi trong năm 2018 tiếp tục tăng so với 2017, cụ thể Ghana dự kiến nhập 620.000 tấn trong năm 2018/2019. Một số thị trường có tiềm năng xuất khẩu trong các tháng tiếp theo như Indonesia, Philippines, Malaysia do chính phủ có nhu cầu tăng dự trữ cũng là cơ hội tốt cho các nhà xuất khẩu của Việt Nam.

Giá gạo xuất khẩu bình quân những tháng đầu năm đạt 501 USD/tấn, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2017. Nhu cầu xuất khẩu mạnh kéo theo giá lúa trong nước cũng tăng theo. Tại An Giang, giá lúa IR50404 trung bình trong tháng 4/2018 đạt 5.400 đ/kg (lúa ướt), tăng 50 đ/kg so với tháng trước. Tại Kiên Giang, giá lúa OM 4218 ở mức 6.500 - 6.600 đ/kg trong tháng 4/2018, tăng 200 đ/kg. Giá lúa tăng nhưng hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp cũng đang rất sôi động nhờ các hợp đồng xuất khẩu mới được ký kết.

Giá gạo xuất khẩu tăng do chất lượng gạo của Việt Nam đã được nâng lên đáng kể, đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của nhiều thị trường. Dự báo nhiều khả năng giá lúa gạo trên thị trường nội địa và xuất khẩu sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao khi có thêm những hợp đồng xuất khẩu mới từ thông tin mở thầu của Indonesia và Philippines vào đầu tháng 5/2018. Tuy nhiên, nhiều thị trường ngày càng yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (ATTP), ngay cả Trung Quốc cũng tăng cường kiểm soát về chất lượng. Để nâng cao giá trị gạo xuất khẩu của Việt Nam, cần đẩy mạnh mô hình liên kết của doanh nghiệp với nông dân để sản xuất lúa theo hợp đồng xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu về kiểm soát chất lượng. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về các thị trường mới, khách hàng mới để doanh nghiệp có thể chủ động tiếp cận và kết nối xuất khẩu gạo. Đối với thị trường Trung Quốc, cần tiếp tục làm việc với phía Trung Quốc để yêu cầu cấp phép thêm cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này.

2. Rau quả

Trong nhóm các mặt hàng nông sản chính, rau quả có kim ngạch xuất khẩu cao nhất. Kim ngạch xuất khẩu rau quả tháng 4/2018 ước đạt 354 triệu USD, tăng 10% so với tháng 3/2018. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 1,32 tỷ USD, tăng 29,5% so với cùng kỳ 2017. Trong đó, mặt hàng quả ước đạt 1,05 tỷ USD, tăng 22,2% và mặt hàng rau ước đạt 160 triệu USD tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam tăng mạnh trong thời gian vừa qua tại hầu hết các thị trường chính. Trong những tháng đầu năm 2018, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường chiếm thị phần lớn nhất là Trung Quốc, tăng tới 42% so với cùng kỳ năm 2017; các thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc có mức tăng khá lần lượt 19%, 26,8% và 8,7%. Hiện nay, các thị trường có yêu cầu về kiểm dịch thực vật khắt khe nhất thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và New Zealand đều đã mở cửa cho trái cây tươi của Việt Nam. Đầu tháng 4/2018, chôm chôm của Việt Nam được phép nhập khẩu vào New Zealand, mở ra cơ hội cho chôm chôm Việt Nam xuất khẩu sang quốc gia này.

Tuy nhiên, bên cạnh mở rộng thị trường thì việc kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc ngày càng yêu cầu cao hơn. Theo tin từ Sở Công thương Lạng Sơn, từ ngày 1/5/2018, các công ty của Trung Quốc nhập khẩu trái cây Việt Nam sang Quảng Tây (Trung Quốc) được yêu cầu cung cấp “Thông tin chất lượng sản phẩm và bao bì có thông tin truy xuất nguồn

gốc” khi xin giấy phép nhập khẩu tại Văn phòng Xuất nhập khẩu Quảng Tây. Hiện Cục Bảo vệ thực vật đang được Bộ giao theo dõi và xử lý các thông tin từ thị trường này.

Trong những tháng đầu năm 2018, giá rau củ quả trong nước và thu mua cho xuất khẩu giảm do nguồn cung dồi dào đúng thời điểm chính vụ và thời tiết thuận lợi. Tương tự, do thời tiết thuận lợi, nguồn cung một số loại quả có múi như cam, bưởi, quýt tăng mạnh, khiến giá giảm. Đồng thời, một số loại quả như vải và nhãn cũng được dự báo là được mùa, chất lượng tốt với tỷ lệ đậu quả trên 90%. Thêm vào đó, tháng 5 và tháng 6/2018 là hai tháng cao điểm tiêu thụ về vải, nhãn. Các địa phương trọng điểm về vải, nhãn (Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Sơn La) cần chủ động bám sát tình hình thực tế tại địa phương, chỉ đạo Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh triển khai phương án, kịch bản chi tiết cụ thể, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên ngành của Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT, các địa phương có cửa khẩu và các doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi thúc đẩy tiêu thụ vải nhãn tại các địa phương. Đồng thời, cần rà soát và chuẩn bị kịch bản và phương án phát triển thị trường cần thiết đối với cây có múi (cam, bưởi...) đã có mức độ tăng trưởng khá cao về diện tích và sản lượng trong thời gian vừa qua.

3. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 4/2018 ước đạt 162 nghìn tấn với giá trị đạt 307 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 691 nghìn tấn và 1,3 tỷ USD, tăng 18,1% về khối lượng và tăng 0,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Giá cà phê xuất khẩu bình quân những tháng đầu năm 2018 đạt 1.943 USD/tấn, giảm 14,4% so với cùng kỳ năm 2017. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2018 với giá trị xuất khẩu lần lượt đạt 136 triệu USD và 118 triệu USD. Xuất khẩu cà phê sang một số thị trường chính khác gồm Indonesia, Nga và Philippines đều tăng mạnh với kim ngạch xuất khẩu lần lượt đạt 87 triệu USD (tăng 9,4 lần), 53,7 triệu USD (tăng 90%) và 40,8 triệu USD (tăng 85%).

Mặc dù có sự tăng về lượng, nhưng giá cà phê xuất khẩu bình quân những tháng đầu năm 2018 chỉ đạt 1.943 USD/tấn, giảm 14,4% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cà phê giảm do mức cung toàn cầu niên vụ 2017/2018 tăng 0,7% so với niên vụ trước, đạt 158,8 triệu bao trong khi tiêu thụ toàn cầu chỉ đạt 158,6 triệu bao, tồn kho cuối kỳ trong niên vụ 2017/2018 vẫn còn 228 nghìn tấn. Thị trường châu Âu (chiếm gần 30% tiêu dùng cà phê toàn cầu) với mức tiêu dùng cà phê tương đối ổn định.

Trong thời gian tới, giá cà phê Robusta sẽ ít có biến động mạnh do sản lượng cà phê toàn cầu chỉ tăng nhẹ 0,7% trong niên vụ 2017-18, do đó cần giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất cà phê chất lượng cao.

4. Chè

Lượng chè xuất khẩu tháng 4/2018 của Việt Nam ước đạt 9 nghìn tấn với giá trị đạt 15 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 34 nghìn tấn và 54 triệu USD, giảm 10,2% về khối lượng và giảm 3,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Kim ngạch xuất khẩu chè giảm mạnh ở một số thị trường chính như Pakistan giảm 28,6% (chỉ đạt 8,4 triệu USD), Nga giảm 8% (đạt 6,5 triệu USD), Trung Quốc giảm 13% (chỉ còn 2,5 triệu USD).

Giá chè xuất khẩu bình quân những tháng đầu năm 2018 đạt 1.546 USD/tấn, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2017.

Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB), giá chè trong thời gian tới có thể sẽ chững lại do thị trường đã đạt trạng thái cân bằng và do điều kiện thời tiết thuận lợi, nguồn cung dồi dào.

5. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 4/2018 ước đạt 28 nghìn tấn, với giá trị đạt 89 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 88 nghìn tấn và 311 triệu USD, tăng 15,5% về khối lượng nhưng giảm 33,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Lượng xuất khẩu tiêu sang các thị trường chính của Việt Nam đều tăng lên so với 3 tháng đầu năm 2018 như Mỹ đạt 43 triệu USD (tăng 10,6%), Ấn Độ 25 triệu USD (tăng 250%), Pakistan 13,7 triệu USD (tăng 38,5%). Hiện tại, phía Trung Quốc đang có xu hướng chuyển sang tiêu thụ hồ tiêu đen. Theo số liệu từ Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam, nhập khẩu của Trung Quốc đã tăng từ 3.112 tấn trong năm 2015 lên 14.510 tấn trong 2017, và lên tới 6.979 tấn vào Quý I/2018.

Tiêu là mặt hàng giảm giá mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2017. Giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam bình quân những tháng đầu năm 2018 đạt 3.692 USD/tấn, giảm đến 41,6% so với cùng kỳ năm 2017. Tại thị trường nội địa, giá tiêu trong nước đang dao động trong khoảng 59.000 - 61.000 đồng/kg, tăng khoảng 6,5% so với hồi cuối tháng 3/2018. Trên thị trường thế giới, giá tiêu Việt Nam loại 500 gram/lít ở mức 2.950 USD/tấn, tăng 200 USD và loại 550 gram/lít ở mức 3.300 USD/tấn, tăng 250 USD (FOB) so với 2 tuần trước đó.

Brazil và Ấn Độ đã kết thúc thu hoạch hồ tiêu, chỉ còn Việt Nam và Campuchia. Cho tới khi Indonesia ra hàng vụ mới sẽ thu hoạch vào khoảng tháng 7-8, hạt tiêu Việt Nam là nguồn cung duy nhất cho toàn cầu hiện nay. Đây cũng là cơ hội để các nhà kinh doanh hạt tiêu Việt Nam mở rộng thị phần hơn nữa. Do đó, cần có biện pháp kiểm soát chất lượng hồ tiêu từ khâu trồng của người nông dân, đảm bảo không pha trộn ảnh hưởng đến chất lượng tiêu. Đồng thời, cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng thương hiệu tiêu để có thể tăng giá bán tiêu xuất khẩu.

6. Điều

Khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu tháng 4/2018 ước đạt 29 nghìn tấn với giá trị 282 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu điều nhân 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 103 nghìn tấn và với kim ngạch 1,04 tỷ USD, tăng 23,1% về khối lượng và tăng 31,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trong Quý I/2018, xuất khẩu điều nhân tăng trưởng ở hầu như toàn bộ các thị trường do nhu cầu hạt điều trên thế giới vẫn đang ở mức cao. Xuất khẩu điều nhân sang các thị trường chính gồm Mỹ, Trung Quốc, Hà Lan, Canada và Anh đều tăng mạnh cả về lượng và giá trị. Giá trị xuất khẩu sang Mỹ, Trung Quốc, Hà Lan, Canada và Anh trong Quý I/2018 lần lượt đạt 206 triệu USD (tăng 44% so với cùng kỳ năm ngoái); 102 triệu USD (tăng 29%); 100 triệu USD (tăng 45%) và 30 triệu USD (tăng 97%). Về nhập khẩu, khối lượng nhập khẩu điều thô tháng 4/2018 ước đạt 52 nghìn tấn tương đương 106 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu điều thô 4 tháng đầu năm 2018 lên mức 582 triệu USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2017. Các nước cung cấp điều thô chính cho Việt Nam trong 4 tháng qua là

Bờ Biển Ngà và Campuchia với giá trị nhập khẩu lần lượt là 40,2 triệu USD (giảm 12%), 164 triệu USD (tăng 23%).

Giá điều nhân xuất khẩu bình quân những tháng đầu năm 2018 đạt 10.169 USD/tấn, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2017. Các doanh nghiệp ngành điều cho biết từ đầu tháng 4/2018 các đơn hàng nhập khẩu điều nhân từ Mỹ và EU bắt đầu quay trở lại sau hơn 3 tháng tạm ngưng. Tuy nhiên, giá điều thô nguyên liệu trên thị trường thế giới có xu hướng giảm nhẹ do nhiều nước sản xuất hạt điều đã vào vụ thu hoạch chính như Việt Nam, Ấn Độ, Nigeria, Ghana, Campuchia. Giá điều thô nguyên liệu trên thị trường trong nước diễn biến giảm trong tháng 4/2018. Tại Bình Phước, giá điều tươi giảm 700 đ/kg từ 39.000 đ/kg xuống còn 32.000 đ/kg; điều khô giảm 5.000 đ/kg từ 46.000 đ/kg xuống 41.000 đ/kg. Tại Đồng Nai, giá hạt điều khô giảm từ mức 39.500 đ/kg xuống 39.000 đ/kg.

Để giữ vững thị trường xuất khẩu, đảm bảo chất lượng điều xuất khẩu cần kiểm soát tốt chất lượng điều nhập khẩu từ châu Phi, Campuchia và Indonesia. Ngoài ra, ngành điều trong nước đang có tình trạng thiếu nguyên liệu phục vụ chế biến, giá điều nguyên liệu có thể tăng cao. Do đó, cần tăng cường kiểm soát vùng trồng, tránh hiện tượng chạy theo giá cả, phá vỡ quy hoạch; tích cực đẩy mạnh tái canh điều tại các địa bàn nằm trong kế hoạch tái canh và xây dựng vùng điều nguyên liệu. Mục tiêu giảm lượng tăng chất cần được đặt ra với cả ngành trồng trọt và chế biến điều trong năm 2018 với 2 giải pháp căn cơ: đẩy mạnh thâm canh bằng giống tốt và tăng cường chế biến sâu.

7. Cao su

Lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 4/2018 ước đạt 63 nghìn tấn, đưa tổng xuất khẩu cao su xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2018 khoảng 324 nghìn tấn, đạt kim ngạch 476 triệu USD, tăng 7,6% về khối lượng nhưng giảm 21,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Xuất khẩu sang các thị trường truyền thống biến động mạnh. Xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt 216 triệu USD (giảm 34%), Ấn Độ 30,3 triệu USD (tăng 251%), và Malaysia 19,9 triệu USD (giảm 0,2%).

Nhìn chung, giá cao su thiên nhiên từ đầu năm đến nay ở mức thấp do nguồn cung dư thừa khi Trung Quốc, Philippines, Thái Lan và Campuchia đều gia tăng sản xuất. Mặc dù 3 nước sản xuất chủ chốt gồm Thái Lan, Malaysia và Indonesia thỏa thuận cắt giảm lượng xuất khẩu nhưng mức giá cao su những tháng đầu năm 2018 vẫn giảm mạnh. Giá cao su xuất khẩu bình quân những tháng đầu năm 2018 đạt 1.478 USD/tấn, giảm 27,6% so với cùng kỳ năm 2017. Tại thị trường trong nước, giá cao su trung bình tháng 4/2018 cũng không biến động mạnh, giá mủ cao su thiên nhiên dạng nước tại Đồng Nai giữ ở mức 13000 đồng/kg.

Thời gian tới, giá cao su cũng khó có thể tăng do thời điểm hạn chế xuất khẩu của Thái Lan, Malaysia và Indonesia đã qua và có thể các nước sản xuất sẽ tăng xuất khẩu.

8. Sản phẩm thịt

Trong các sản phẩm chăn nuôi, thị trường sản phẩm thịt lợn có sự biến động mạnh nhất trong tháng 4/2018. Vào tháng 3/2018, giá thịt lợn hơi xuất chuồng chỉ dao động quanh mốc 31.000-34.000 đồng/kg tuy nhiên thời điểm cuối tháng 4/2018, giá thịt lợn đã tăng lên tích cực. Tại miền Bắc, giá lợn hơi dao động từ 36.000 - 40.000 đ/kg. Tại khu vực miền Đông

Nam Bộ, giá lợn hơi đã chạm mốc 40.000 đ/kg. Bên cạnh đó, giá lợn giống cũng tăng mạnh, đạt mức 900.000 đ-1.000.000đ/con. Sự phục hồi của giá thịt lợn tạo động lực để các hộ quay lại đầu tư tăng đàn.

Việc tăng giá thịt lợn là kết quả của việc giảm đàn và tạm dừng nuôi lợn của các hộ sản xuất. Bên cạnh đó, Bộ NN-PTNT đã chỉ đạo các địa phương giảm cung, tăng cầu với chính sách giảm đàn nái, giảm nhập từ các nước khác. Theo báo cáo của Bộ NN và PTNT, số lượng đầu lợn tháng 4/2018 vẫn giảm 5,7% so với cùng kỳ năm 2017. Giá thịt lợn tăng nên một số hộ bắt đầu quay lại chăn nuôi, đẩy giá lợn giống lên khá cao (900 ngàn- 1 triệu đồng/con giống). Tuy nhiên nếu muốn giữ mức giá tăng đều và có lãi thì các hộ chăn nuôi không nên đầu tư ồ ạt vào lúc này.

Theo Tổng cục thống kê tháng 4/2018, giá thịt bò ổn định giảm nhẹ 0,36%; đàn bò phát triển tốt ở các địa phương, thị trường tiêu thụ tốt, các dự án chăn nuôi bò tại các tỉnh đang được triển khai có hiệu quả. Ước tính tổng đàn bò tăng 2,9% so cùng kỳ năm 2017. Giá thịt gà cũng ổn định trong tháng 4, chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, giá bán ổn định ở mức có lãi cho người chăn nuôi là những yếu tố khiến đàn gia cầm phát triển. Ước tính đàn gia cầm của cả nước tăng 6,8% so cùng thời điểm năm 2017. Cùng với sự tăng trưởng của sản xuất trong nước, nhập khẩu các sản phẩm thịt bò và gà có xu hướng tăng mạnh trong 3 tháng đầu năm 2018 đạt 64 triệu USD, tăng 32% so với năm 2017.

Hiện nay, trên thị trường Việt Nam có nhiều thịt bò và đùi gà nhập khẩu chủ yếu từ các Mỹ, Brazil và Úc với mức giá cạnh tranh. Mỹ và Brazil hiện đang là hai nguồn cung cấp sản phẩm thịt bò và thịt gà nhập khẩu lớn nhất tại Việt Nam, đặc biệt là Brazil với tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2017 ở mức hơn 8 lần. Để có thể cạnh tranh được với các sản phẩm nhập khẩu, ngành chăn nuôi trong nước cần đẩy mạnh chú trọng đến chất lượng sản phẩm và cải thiện điều kiện chăn nuôi nhằm đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Hơn nữa, trong thời gian tới khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực, thuế suất nhập khẩu bằng 0% thì sản phẩm của các nước có thể mạnh về chăn nuôi như Úc, Canada... có thể sẽ nhập khẩu nhiều hơn và cạnh tranh với các sản phẩm trong nước.

9. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 4/2018 ước đạt 650 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu thủy sản 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 2,4 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2018, chiếm 52% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 3 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoài là Hà Lan (tăng 55,7%), Trung Quốc (tăng 44,6%), Anh (tăng 33,8%), Đức (tăng 30,3%), Úc (tăng 24,9%), Thái Lan (tăng 21,9%) và Canada (tăng 13,3%).

Xuất khẩu thủy sản khá thuận lợi do nhu cầu nhập khẩu ổn định. Tuy nhiên việc nâng cao các tiêu chuẩn và tăng thuế nhập khẩu thông qua các biện pháp chống bán phá có thể ảnh hưởng lớn đến thương mại thủy sản của Việt Nam trong thời gian tới. Nhằm ngăn dịch bệnh xâm nhập, ngày 23/3/2018, Bộ Sản xuất của Peru đã tuyên bố lệnh cấm nhập khẩu tôm từ các nước có dịch EMS (Hội chứng tôm chết sớm) bao gồm: Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia,

Thái Lan, Mexico, Philippines và Texas - Mỹ. Lệnh cấm sẽ vẫn được áp dụng đến khi các nước này thoát khỏi dịch bệnh. Bên cạnh đó, Liên minh châu Âu (EU) sẽ cử một nhóm công tác tới Việt Nam trong tháng 5/2018 để đánh giá các nỗ lực của Việt Nam trong vấn đề IUU.

Trong tháng 4/2018, giá cá tra nguyên liệu vẫn ở mức cao. Nhiều tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thả nuôi ồ ạt, dẫn đến tình trạng khan hiếm nguồn cá giống và đẩy giá cá giống lên mức cao. Sản lượng nuôi cá tra của các tỉnh ĐBSCL trong 4 tháng năm 2018 ước đạt 373,4 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số tỉnh nuôi cá tra trọng điểm đạt sản lượng lớn như Đồng Tháp sản lượng đạt 118,4 nghìn tấn, tăng 9% so với cùng kỳ; An Giang với sản lượng đạt 98,1 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ; Cần Thơ với sản lượng 13,2 nghìn tấn, tăng 18,3% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, giá tôm trong tháng có xu hướng giảm nhẹ đối với tôm thẻ chân trắng. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú tươi loại 20-40 con/kg dao động 260.000-380.000 đ/kg; giá tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 20-40 con/kg dao động 150.000-275.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá dao động 88.000-105.000 đ/kg cho các cỡ 50-100 con/kg.

Trong thời gian tới các doanh nghiệp Việt Nam có thể gặp khá nhiều khó khăn trong việc xuất khẩu cá tra và basa vào thị trường Mỹ do Mỹ đang dựng lên cả hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá ở mức cao từ 2,39 USD/kg – 7,74 USD/kg) và phi thuế quan (chương trình giám sát cá da trơn) rất cao đối với cá tra và basa của Việt Nam. Xuất khẩu tôm khả năng vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong thời gian tới khi nhu cầu nhập khẩu ở một số thị trường như, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc...có xu hướng tăng lên.

10. Gỗ và sản phẩm gỗ

Thương mại gỗ của Việt Nam trong tháng 4/2018 vẫn tăng đều, giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 4 năm 2018 ước đạt 639 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2018 ước đạt 2,6 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, xuất khẩu gỗ đạt 444 triệu USD, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2017. Xuất khẩu sang các thị trường chính như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đều tăng trưởng tốt so với năm 2017 với giá trị xuất khẩu lần lượt đạt 765,6 triệu USD (tăng 10,8%), 269,6 triệu USD (tăng 0,9%) và 264,1 triệu USD (tăng 2,7%).

Trong ngắn hạn, sẽ có nhiều cơ hội lớn cho xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ. Trong thời gian tới, nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam từ các bạn hàng chính như Mỹ, EU khá ổn định và có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, EU và Mỹ là đây là hai thị trường có yêu cầu khắt khe về truy xuất nguồn gốc. Để tiếp tục tăng trưởng tại các thị trường chính này, ngành gỗ trong nước cần loại bỏ nguồn gỗ nguyên liệu rủi ro cao có nguồn gốc không rõ ràng và thay thế bởi các nguồn gỗ nguyên liệu có nguồn gốc xuất xứ và đáp ứng các yêu cầu của khách của các thị trường này. Châu Phi đang là nhà cung cấp gỗ nguyên liệu quan trọng cho Việt Nam nhưng có nhiều rủi ro trong truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp. Do đó, cần tăng cường kiểm soát rủi ro đối với nhập khẩu gỗ nguyên liệu tại thị trường này để phục vụ chế biến xuất khẩu.

NHẬN XÉT CHUNG

Trong những tháng tới, nhìn chung thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản vẫn diễn biến khá tích cực vì nhu cầu ổn định, nhất là đối với rau quả, gạo, thủy sản, điều, gỗ. Tuy nhiên, giá các nông sản có thể không tăng mạnh. Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ, giá các mặt hàng lương thực thực phẩm trên thị trường quốc tế trong năm 2018 chỉ tăng nhẹ khoảng 2% so với năm 2017. Bên cạnh đó, thị trường đối với sản phẩm cây công nghiệp như cao su, cà phê, tiêu, chè chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh.

Một số lưu ý đối với những nhóm hàng cụ thể:

- **Lúa gạo:** Xuất khẩu gạo khả quan do nhu cầu nhập khẩu của Philippin và các nước châu Phi đang tăng. Tuy nhiên, cần bám sát thông tin thị trường; đồng thời tiếp tục đàm phán để thúc đẩy phía Trung Quốc kiểm tra và cấp thêm giấy phép xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam.
- **Rau quả:** Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất theo các tiêu chuẩn, đáp ứng các điều kiện vệ sinh ATTP của các nước nhập khẩu. Bám sát sự thay đổi chính sách các nước nhập khẩu, nhất là Trung Quốc và một số thị trường lớn
- **Cà phê:** Giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất cà phê chất lượng cao nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng tốt yêu cầu nhà nhập khẩu.
- **Chè:** Giữ vững thị trường xuất khẩu truyền thống và tăng cường chất lượng để nắm bắt cơ hội ở những thị trường mới cao cấp hơn.
- **Tiêu:** Tập trung biện pháp kiểm soát chất lượng hồ tiêu từ khâu trồng của người nông dân, đảm bảo không pha trộn ảnh hưởng đến chất lượng tiêu. Đồng thời, cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng thương hiệu tiêu để có thể tăng giá bán tiêu xuất khẩu.
- **Điều:** Tăng cường công tác quản lý chất lượng điều nhập khẩu từ châu Phi, Indonesia. Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao giống mới, hỗ trợ bà con phổ biến kỹ thuật chăm sóc điều trong nước đảm bảo năng suất và chất lượng.
- **Sản phẩm thịt:** Giá thịt lợn tiếp tục xu hướng tăng nhẹ do việc tăng đàn chưa phục hồi nhưng không nên khuyến khích bà con tăng đàn mạnh. Tiếp tục đẩy mạnh việc đàm phán xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng các sản phẩm nhập khẩu.
- **Thủy sản:** Bám sát thông tin chính sách và quy định về điều kiện vệ sinh ATTP của các nước nhập khẩu, về thuế chống bán phá giá và chương trình giám sát cá da trơn Việt Nam của Mỹ. Hoàn chỉnh hệ thống sản xuất, chế biến đáp ứng tốt các nhu cầu của nhà nhập khẩu. Đồng thời, cần giám sát chặt chẽ và thực hiện các cam kết về chống khai thác thủy sản phi pháp, không báo cáo và không được quy định (IUU) nhằm thúc đẩy việc EU gỡ bỏ biện pháp áp dụng "thẻ vàng" đối với các sản phẩm thủy hải sản xuất khẩu của Việt Nam.
- **Sản phẩm gỗ:** EU và Mỹ là đây là hai thị trường nhập khẩu lớn nhưng có yêu cầu khắt khe về truy xuất nguồn gốc vì thế các doanh nghiệp xuất khẩu cần đáp ứng tốt điều kiện này. Đồng thời, cần tăng cường kiểm soát rủi ro đối với nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi để phục vụ chế biến xuất khẩu.